TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Bi.

Ông Lê Thành Thạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1980 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng X, sinh năm 1979 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Hoàng X kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện G (nay là huyện T), tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, thời gian gần đây anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi và ngày càng trầm trọng. Nhận thấy cuộc sống của anh

chị không thể hàn gắn, không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh X.

- Về con chung: Chị T và anh X có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 03/7/2008. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Hoàng X trình bày:

Anh X và chị T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T vào năm 2007. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 03/7/2008. Khi chung sống, anh chị thường xuyên cãi vả dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T, anh X không có ý kiến. Trường hợp phải ly hôn theo quyết định của Toà án, anh X thống nhất giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng, anh X không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh X không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T và bị đơn anh X có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Kim T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng X và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh X có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn chị Nguyễn Kim T và bị đơn anh Nguyễn Hoàng X cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh X.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh X chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là huyện T), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 28/12/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị T trình bày giữa chị và anh X xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị T yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ, Tòa án triệu tập anh X để tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh X vắng mặt, đồng thời đối với yêu cầu ly hôn của chị T, anh X lại không có ý kiến. Điều đó cho thấy anh X không phản đối yêu cầu của chị T, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa anh X và chị T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, chị T và anh X đều thống nhất thừa nhận giữa anh chị tồn tại mâu thuẫn gia đình và thường xuyên cãi vả nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh X có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 03/7/2008, hiện tại đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Anh X thống nhất với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng, để không thay đổi môi trường sống, tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu B nên cần thiết giao cháu cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với chị T. Anh X được quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Kim T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 03/7/2008 cho chị Nguyễn Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hoàng X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh X có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008635 ngày 01/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Hoàng X không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh X vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm